TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/KDTM-ST
Ngày: 15-10-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 9 và ngày 15 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2025/QĐST-KDTM ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C; Trụ sở: Quốc lộ A, đội D, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thanh T và ông Trần Anh K, địa chỉ: số D - 458 (Tầng T) H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T có mặt, ông K vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hồ Thị T1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: số D (Tầng T) H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần T3; trụ sở: 185 P, tổ H, phường H (nay là phường P), tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh V, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. Ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/8/2023 Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty cổ phần T3 (gọi tắt là Công ty T3) ký Hợp đồng mua bán hàng hoá số 40006566, theo đó Công ty C bán cho Công ty T3 mặt hàng là tiêu đầu đinh, số lượng 200 tấn (số lượng có thể điều chỉnh tuỳ theo số lượng thực tế trong kho người bán), đơn giá 21.000.000 đồng/tấn, tổng cộng là 4.200.000.000 đồng, phương thức thanh toán: Công ty T3 thanh toán trước 1.000.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng và phần còn lại sẽ thanh toán ngay sau khi nhận hàng và nhận hoá đơn. Ngày giao hàng là tháng 8/2023, địa điểm giao hàng tại kho Nedspice B. Sau khi ký kết hợp đồng Công ty T3 đã thực hiện thanh toán trước 1.000.000.000 đồng, Công ty C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng cho Công ty T3 với số lượng thực tế là 199.790 kg tiêu đầu đinh, tổng số tiền là 4.195.590.000 đồng và Công ty C đã xuất đầy đủ hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty T3 Thịnh theo từng đợt giao hàng. Sau khi nhận hàng và hoá đơn thì Công ty T3 vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại là 3.195.590.000 đồng cho Công ty C mặc dù Công ty C đã nhắc nhở và yêu cầu Công Ty T3 nhiều lần.

Tại phiên toà Công ty C thay đổi yêu cầu khởi kiện về nợ lãi chỉ buộc Công ty T3 trả nợ lãi tính từ ngày 25/10/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 310.803.959 đồng.

Vì vậy, Công ty C yêu cầu Toà án buộc Công ty T3 phải trả tổng số tiền là 3.506.393.959 đồng (trong đó nợ gốc là 3.195.590.000 đồng và nợ lãi là 310.803.959 đồng).

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với Công ty cổ phần T3, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Thanh V. Tuy nhiên, Công ty cổ phần T3 Thịnh không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, Công ty cổ phần T3 không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, nghị án và của nguyên đơn đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn chịu lệ phí đăng tin theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn Công ty C khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần T3 có trụ sở tại A P, tổ H, phường H (nay là phường P), tỉnh Gia Lai yêu cầu thanh toán tiền còn nợ và nợ lãi. Công ty C và Công ty cổ phần T3 đều có tư cách pháp nhân và có mục đích lợi nhuận. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án kinh doanh thương mại "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

[2] Bị đơn Công ty cổ phần T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo đơn khởi kiện Công ty C yêu cầu Toà án buộc Công ty cổ phần T3 trả lãi từ ngày Công ty C xuất hoá đơn (ngày 14/8/2023 và ngày 22/8/2023) cho tới ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Tại phiên toà Công ty C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nợ lãi, yêu cầu Toà án buộc Công ty cổ phần T3 Thịnh trả lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 25/10/2024) cho tới ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty C không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty C về nợ lãi.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T3 thanh toán tiền hàng mua tiêu đầu đinh còn nợ lại là 3.195.590.000 đồng và yêu cầu trả nợ lãi tính từ ngày 25/10/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Công ty C cung cấp cho Toà án Hợp đồng mua bán hàng hoá số 40006566 ngày 01/8/2023, 03 hoá đơn giá trị gia tăng điện tử vào các ngày 07, 14, 22/8/2023, 20 phiếu xuất kho giao nhận hàng và các Giấy phép mang tài sản ra vào cổng Công ty C, 02 phiếu báo có ngày 03/8/2023 thể hiện Công ty T3 đã thực hiện thanh toán trước 1.000.000.000 đồng cho Công ty C và 01 vi bằng số 792/2025/VB-TPLBT ngày 14/10/2025 của Văn phòng T4.

[4.2] Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp có cơ sở khẳng định Công ty C và Công ty T3 có ký Hợp đồng mua bán hàng hoá số 40006566 ngày 01/8/2023 là có thật, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên nó phát sinh hiệu lực. Sau khi ký kết hợp đồng, từ ngày 4/8/2023 đến ngày 19/8/2023 Công ty C đã giao hàng thực tế là 199.790 kg tiêu đầu đinh và xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng (vào các ngày 7, 14, 22/8/2023) cho Công ty T3 với tổng số tiền là 4.195.590.000 đồng. Công ty T3 đã thanh toán cho Công ty C

1.000.000.000 đồng vào ngày 03/8/2023 và đã nhận hàng, hoá đơn nhưng không thanh toán số tiền còn nợ lại là 3.195.590.000 đồng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn Công ty T3, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Thanh V, tuy nhiên Công ty T3, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Thanh V không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Xét thấy Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua hàng nên Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T3 trả số tiền còn nợ lại là 3.195.590.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về nợ lãi: Công ty C yêu cầu Công ty T3 trả lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 25/10/2024) cho tới ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: 3.195.590.000 đồng x 10%/năm x 355 ngày = 310.803.959 đồng.

[5] Như vậy, Công ty T3 phải trả cho Công ty C tổng cộng số tiền là 3.506.393.959 đồng (trong đó nợ gốc là 3.195.590.000 đồng, nợ lãi là 310.803.959 đồng).

[6] Về án phí và chi phí đăng tin:

Buộc Công ty T3 phải chịu 102.127.879 đồng án phí kinh doanh thương mại.

Công ty C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Công ty C số tiền 51.364.157 đồng tạm ứng án phí mà Công ty C đã nộp theo biên lai thu số 000935 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Công ty C phải chịu 5.539.500 đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã nộp đủ).

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Gia Lai là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24, 34, 35, 37, 55 Luật Thương mại hợp nhất năm 2019;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

Buộc Công ty cổ phần T3 phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 3.506.393.959 đồng (ba tỷ năm trăm lẻ sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 3.195.590.000 đồng và nợ lãi là 310.803.959 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí, lệ phí và quyền thi hành án:

Buộc Công ty cổ phần T3 phải chịu 102.127.879 đồng (một trăm lẻ hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Công ty TNHH C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH C số tiền 51.364.157 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm năm mươi bảy đồng) tạm ứng án phí mà Công ty TNHH C đã nộp theo biên lai thu số 000935 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Công ty TNHH C phải chịu 5.539.500 đồng (năm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu